

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH
Bản án số: 62 /2019/HSST
Ngày: 25 / 9/ 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Diễn và bà Lê Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát Viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. TAND huyện Tiền Hải mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 60/2019/HSST ngày 19/ 8/ 2019 ; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/ 2019/ QĐXXST - HS ngày 11/9/2019 đối với các bị cáo:

1. - Trần Văn G - Sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKH và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Con ông Trần Văn D - Sn: 1yy0 và bà Trần Thị V - Sn: 1yy0; Vợ Hà Thị T - Sn: 1991; (Đều trú tại: xã N, huyện TH); Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Lịch sử bản thân: Năm 2012 G bị TAND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, Năm 2014 chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. (Bị bắt từ ngày 03/6/2019; Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho Trần Văn G: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp Viên pháp lý thuộc trung T trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. (Có mặt).

2. - Nguyễn Như H1 - Sinh năm: 19bb.

Nơi ĐKKH và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐQ, xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Xuân C - Sn: 1960 và bà Nguyễn Thị R - Sn: 1963; (Đều trú tại: xã NH, huyện TH); Tiền sự: Không; Tiền

án: Không. Lịch sử bản thân: Năm 2005 Nguyễn Như H1 đi nghỉ vụ quân sự, năm 2008 xuất ngũ trở về địa phương; Năm 2014 bị Công an huyện Tiên Hải xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. (Bị bắt từ ngày 03/6/2019; Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** 1,- Anh Đoàn Văn M - Sn: 1yy8. (Vắng mặt không lý do).

Trú quán: Thôn Q, xã NT, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

2,- Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn P - đều Sn: 1yy5. (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn H, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

3,- Chị Trần Thị V - Sn: 1yy5. (Có mặt).

Trú quán: Thôn B, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

- **Người liên quan:** Ông Phạm Gia H - Sn: 1963. (Vắng mặt không lý do).

Trú quán: Thôn LT, xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

- **Người làm chứng:** + Anh Nguyễn Văn Q - Sn: 1yy6. (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn T, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Đức T - Sn: 19bb. (Có mặt).

Trú quán: Thôn ĐQ, xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Nguyễn Thị H2 - Sn: 1966. (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn B, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h00' ngày 15/5/2019, Trần Văn G gọi điện thoại rủ Nguyễn Như H1 đi trộm cắp tài sản. H1 đồng ý nên đi xe máy BKS: 17H - 65xx chở G đi trộm cắp; Khi đi đến khu vực nhà anh Nguyễn Văn Q ở thôn T, xã N; G và H1 phát hiện trong sân nhà anh Q có 03 chiếc xe Mô tô không người trông coi. G bảo H1 dừng xe, đứng ngoài cảnh giới; còn G đi xuống dùng tay tháo hàng rào lưới B40, rồi đi vào trong sân. Thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu DRUM- BKS: 16H2-aaaa trị giá 2.275.000 đồng của anh Đoàn Văn M để ở ngoài cùng, chìa khóa móc tại giá treo đồ; G liền dắt xe ra ngoài đường nổ máy và đi về hướng xã NH, H1 thấy vậy cũng nổ máy xe đi theo. Cả hai đi đến khu vực giáp ranh giữa xã N với xã NH thì dừng lại. G lấy 01chiếc cờ lê mang theo từ trước đưa và bảo H1 tháo Biền kiểm soát chiếc xe vừa trộm cắp; H1 tháo xong, vớt BKS xuống xuống nước rồi cùng G đi về. Khi đi đến ngã tư xã NH, G bảo H1 đứng đợi còn G mang xe vừa trộm cắp được đến bán cho ông Phạm Gia H với giá 700.000 đồng, sau đó

cả hai đi ăn uống, tiêu xài chung hết. Ngày 03/6/2019, Cơ quan Công an huyện Tiền Hải đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mà G và H1 trộm cắp. Kết quả định giá xác định: Chiếc xe mô tô DRUM- BKS: 16H2 - 37aa trị giá 2.275.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Trần Văn G còn khai nhận: G có 02 lần thực hiện hành V trộm cắp tài sản tại thôn B, xã N, huyện TH; Cụ thể hành V như sau:

Lần 1: Khoảng 23 giờ ngày 12/5/2019, Trần Văn G phát hiện thấy nhà chị Trần Thị V đã đi ngủ mà cổng nhà không khóa, trong sân có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirinos BKS: 17M8- 27zz trị giá 2.220.000 đồng; G mở then cổng đi vào trong sân trộm cắp chiếc xe mô tô, mang xe đến bán cho ông Phạm Gia H với giá 600.000 đồng. Số tiền này Trần Văn G tiêu sài cá nhân hết.

Lần 2: Khoảng 21 giờ ngày 17/5/2019, Trần Văn G đi bộ ra chùa Phúc Thành, xã N xem lễ hội Phật Đản; Khi vào sân hội trường thôn B, xã N; G phát hiện, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Backhand BKS: 17K9- 83yy trị giá 2.145.000 đồng của chị Nguyễn Thị Đ dựng ở khu vực cổng chùa, không người trông coi; Nên G đã dắt trộm chiếc xe trên ra ngoài đường đá, rồi dùng tay rút ổ khóa điện, đầu nối tắt ổ điện, nổ máy đi đến đoạn cánh đồng xã N thì dừng lại, G dùng tay bẻ BKS của xe vứt xuống sông; Sau đó G mang xe đến bán cho ông Phạm Gia H với giá 700.000 đồng. Số tiền này Trần Văn G tiêu sài cá nhân hết.

Bản cáo trạng số: 61/CT- VKSTH ngày 16/8/2019 VKSND huyện Tiền Hải đã truy tố các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015. Các bị cáo G và H1 đã khai nhận toàn bộ hành V phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Đại diện VKSND luận tội, tranh luận và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 17, điều 38; điều 58, điều 50 BLHS; Đề nghị xử phạt Trần Văn G từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 điều 51 ; điều 17, điều 38; điều 58, điều 50 BLHS và Đề nghị xử phạt Nguyễn Như H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; do các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 không có công Việc ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 01 BKS 16H - 37aa; 01 Vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L dài 15cm. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố anh Đoàn Văn M yêu cầu G và H1 có trách nhiệm bồi

thường cho anh giá trị tài là chiếc xe mô tô BKS: 16H2- 37aa trị giá 2.275.000 đồng. Áp dụng các điều 584; 585; 587; 589 BLDS buộc G và H1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Mạnh số tiền 1.137.500 đồng. Các bị hại là chị V cùng chị Đ và anh P đã được G bồi thường toàn bộ thiệt hại; Tại phiên tòa chị V không yêu cầu bồi thường về mặt dân sự, nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326; Buộc Trần Văn G và Nguyễn Như H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Người bào chữa cho Trần Văn G: Bà Nguyễn Thị H; Đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình G là hộ nghèo; Bản thân G trình độ thấp; G đã tác động đến gia đình bồi thường cho chị V và chị Đ xong.....

Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, cho G hưởng mức án thấp nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Trần Văn G.

Các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát Yên. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành V, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra Yên, Yên kiểm sát, Kiểm sát Yên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành V, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình bào và lời khai của những người bị hại là anh Đoàn Văn M, chị Nguyễn Thị Đ + anh Trần Văn P và chị Trần Thị V; Lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị H2; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Gia H; Các Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Công an huyện Tiên Hải lập ngày 26/6/2019 và 31/6/2019; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an huyện Tiên Hải lập ngày 01/6/2019; Bản kết luận định giá tài sản do Hội đồng

định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiền Hải lập ngày 03/6/2019; Hai Bản kết luận định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TH lập ngày 09/7/2019.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý, trông coi tài sản; Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2019, Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đã vào nhà của anh Nguyễn Văn Q trộm cắp 01 chiếc xe DRUM- BKS: 16H2- 37aa trị giá 2.275.000 đồng của anh Đoàn Văn M. Ngoài hành V ở trên Trần Văn G còn 02 lần thực hiện hành V trộm cắp tài sản tại thôn B, xã N; Cụ thể: (Lần 1: Khoảng 23h00' ngày 12/5/2019, G trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirinos BKS: 17M8- 27zz trị giá 2.220.000 đồng của chị Trần Thị V; Lần 2: Khoảng 21h00' ngày 17/5/2019, G trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Backhand BKS: 17K9- 83yy trị giá 2.145.000 đồng của chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn P).

Hành V của các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS: Nội dung bản cáo trạng VKSND huyện Tiền Hải đã truy tố đối với G và H1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đã cùng lên kế hoạch và cùng nhau thực hiện hành V trộm cắp tài sản của anh Đoàn Văn M, Nhưng cần xác định vai trò của Trần Văn G cao hơn Nguyễn Như H1 vì G là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành V trộm cắp và tiêu thụ xe, còn H1 tham gia với vai trò cảnh giới, giúp sức. Ngoài hành V trộm cắp xe máy của anh Mạnh, bị cáo Trần Văn G còn 02 lần thực hiện hành V trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirinos BKS: 17M8-27zz trị giá 2.220.000 đồng của chị Trần Thị V ngày 12/5/2019 và trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Backhand BKS: 17K9- 83yy trị giá 2.145.000 đồng của chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn P vào ngày 17/5/2019. Vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn G bị áp dụng cao hơn so với bị cáo Nguyễn Như H1.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đều có nhân thân xấu.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đều thành khẩn khai báo về hành V phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa các bị hại là chị V, cùng chị Đ và anh P có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho G; Phần bồi thường Dân sự, đã được G tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị V và chị Đ; Tại phiên tòa chị V và anh P đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho G. Vì vậy, Trần Văn G được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Như H1 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Nguyễn Như H1 có tham gia nghĩa vụ quân sự từ 2005 đến năm 2008, vì vậy H1 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn G bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Phạm tội từ 02 lần trở lên.

Bị cáo Nguyễn Như H1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo:

[5.1] Hình phạt chính: Các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đều có nhân thân xấu. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS để giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo cũng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5.2] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị hại là anh Đoàn Văn M yêu cầu các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 phải có trách nhiệm bồi thường cho anh giá trị tài sản mà G và H1 đã trộm cắp là 2.275.000 đồng. Áp dụng các điều 584; 585; 587; 5xx; 589 BLDS. Buộc G và H1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Đoàn Văn M số tiền là: 1.137.500 đồng.

[6.2] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo G đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại là chị Trần Thị V cùng chị Đ và anh P; Tại phiên tòa chị V và chị Đ đều có đơn không yêu cầu bồi thường về mặt dân sự, nên yêu cầu của chị V và chị Đ được chấp nhận và không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 Biển kiểm soát 16H - aaaa; 01 Vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L dài 15cm. Xét thấy số vật dụng trên là vật Trần Văn G và Nguyễn Như H1 trộm cắp và sử dụng để phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Trong vụ án này còn có ông Phạm Gia H là người đã mua cả 03 chiếc xe mô tô mà Trần Văn G mang đến bán. Tuy nhiên quá trình điều tra; tài liệu điều tra, xác minh đã xác định: Khi Trần Văn G 03 lần mang 03 chiếc xe đến gạ bán cho H; Phạm Gia H có hỏi nguồn gốc chiếc xe thì G nói là xe của G dùng để đi biển; Việc giao dịch mua bán xe chỉ có G và H, không có người thứ ba chứng kiến, bản thân Phạm Gia H cũng không biết nguồn gốc của cả 03 chiếc xe

mô tô mà Trần Văn G đem đến bán cho H là tài sản do G phạm tội mà có; Sau khi mua được của Trần Văn G 03 chiếc xe trên, H đã tháo rời và đem bán cho những người thu mua sắt vụn qua đường (Không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) Nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Gia H là có căn cứ.

[8.2] Ngoài hành V đã nêu trên Trần Văn G và Nguyễn Như H1 đều khai nhận, còn trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S BKS: 17M8- 22bb tại địa bàn xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Hiện vụ án này đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[8.3] Đối với anh Nguyễn Đức T là người đã cho Nguyễn Như H1 mượn chiếc xe mô tô BKS 17H - 65xx để G và H1 sử dụng khi đi trộm cắp tài sản ngày 15/5/2019. Tuy nhiên tài liệu điều tra đã xác định; Khi hỏi anh T mượn xe, H1 không nói và anh T cũng không biết Việc H1 mượn xe của anh T với mục đích đi trộm cắp tài sản; Nên Cơ quan điều tra công an huyện TH không xử lý trách nhiệm hình sự với anh Nguyễn Đức T là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 38; điều 58; điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn G.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2019.

2.2. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58; điều 50 BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Như H1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như H1 07 (Bảy) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015.
Tịch thu tiêu hủy: 01 Biên kiểm soát 16H - 37aa; 01 Vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L dài 15cm.

(Toàn bộ vật chứng trên đã chuyển đến Chi cục THADS huyện TH quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/8/2019).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các điều 584; 585; 587; 5xx; 589 BLDS; Buộc Trần Văn G và Nguyễn Như H1 phải liên đới bồi thường cho anh Đoàn Văn M số tiền 2.275.000 đồng; Mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Đoàn Văn M số tiền 1.137.500 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

5. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Như H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH;
- Công an huyện TH;
- Chi cục THADS h TH;
- Phòng KT Tòa án Thái Bình;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Bảo